

HOẠT ĐỘNG CANH TÁC NƯƠNG RẦY CỦA NGƯỜI MƯỜNG XÃ CẨM LƯƠNG, HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

NGUYỄN THANH HOA (*)

Tóm tắt: Canh tác nương rẫy đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người Mường. Với tất cả các loại nương rẫy, người Mường thực hiện hàng loạt các kỹ thuật truyền thống liên hoàn: chọn đất, phát rừng, đốt, dọn xới đất, trồng tỉa, chăm sóc, thu hoạch... Hệ canh tác nương rẫy truyền thống của người Mường đã thể hiện nhiều mặt tích cực trong quản lý và bảo vệ đất cũng như tạo lập hệ sinh thái nhân văn của người Mường tại xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Bài viết tập trung tìm hiểu và làm rõ về vấn đề này.

Từ khóa: Canh tác nương rẫy; người Mường; hệ sinh thái.

Abstract: Agriculture plays an important role in the life of Muong people. Their farming technique includes land selection, clearing the forest for agricultural land, soil cultivation, seed planning, plant caring, and harvest. The traditional farming techniques of Muong people prove their advantages in land protection and management and contribute to the ethnic culture of Muong people in Cam Luong commune. This article discussed agricultural activities of Muong people.

Keywords: Farming; Muong people; ecology.

Ngày nhận bài: 12/12/2018; Ngày sửa bài: 12/01/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/01/2019.

Đặt vấn đề

Cẩm Lương là một trong những xã vùng cao của huyện Cẩm Thủy, có người Mường chiếm đa số, sinh sống từ rất lâu đời; cùng với địa hình đa dạng gồm thung lũng, núi - đồi thấp và hệ thống sông suối... đã tạo cho người Mường mưu sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó làm ruộng nước là chủ đạo và canh tác nương rẫy là phụ đạo nhưng có vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống của người Mường. Từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, sinh kế của đồng bào đã có những chuyển biến mạnh mẽ, nhờ các chính sách của Đảng và Nhà nước, nhờ tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Người Mường ở đây đã từng bước hòa nhập vào các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, quá trình thay đổi sinh kế của đồng bào cũng như việc

quy hoạch phát triển của các ngành, các cấp tại tỉnh Thanh Hóa, huyện Cẩm Thủy đang đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết. Nghiên cứu về hoạt động canh tác nương rẫy của người Mường ở xã Cẩm Lương không chỉ hiểu thêm đặc điểm văn hóa Mường mà còn tạo cơ sở khoa học để đề ra các giải pháp tạo lập, giữ gìn hệ sinh thái, giúp đồng bào phát triển bền vững.

1. Phương thức và các loại hình canh tác nương rẫy truyền thống của người Mường

Người Mường chủ yếu làm nương rẫy trên các sườn đồi, núi bao quanh thung lũng. Họ gieo trồng các loại lúa, ngô, khoai, sắn, cây bông... Trên nương người

(*) ThS., Giảng viên bộ môn: Cơ sở văn hóa Việt Nam; Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Luật Hà Nội. Email: thanhhoa.nguyen1908@gmail.com

Mường cũng có tập tục trồng xen canh một vài giống cây khác như: đỗ, vừng trồng xen ngô. Đặc biệt hơn cả là sự có mặt của các nương bầu, bí, đu đủ, cùng với những thứ rau hoang mà người Mường tự kiếm.

1.1. Phương thức canh tác

Do địa bàn cư trú của đồng bào Mường là vùng miền núi có khí hậu gió mùa, mưa nắng phân bố đều cho bốn mùa trong năm, rất thích hợp cho việc canh tác trồng tía các loại lúa nương, ngô và các loại rau, củ, quả. Do đó, nương rẫy của đồng bào Mường được chú trọng phát triển không kém gì ruộng lúa nước.

Chọn đất

Trước kia, người Mường thường chọn các sườn đồi thoải gần khe suối hoặc các khoảnh rừng ở nơi bình địa trong thung lũng để phát dọn làm nương rẫy. Khảo sát từ 143 hộ dân được phỏng vấn tại 6 thôn thuộc xã Cẩm Lương cho thấy, kinh nghiệm truyền thống của người Mường trong chọn địa điểm làm nương là chọn các khu vực rừng tốt, cây to, cỏ mọc dày, đất không quá dốc đứng. Một số hộ chọn đất làm nương theo tiêu chí: phía trên khoảng đất trợn làm nương có rừng nhiều cây, tốt nhất là cây to, phía trên dốc đứng, để mưa chảy trôi đất ở trên xuống nương, giúp nương thêm màu mỡ. Tránh khoảng đất có nhiều cỏ gianh, cỏ chó đẻ, vì đây là các khoảng đất xấu, “trông không ăn được”. Một số hộ cho biết kinh nghiệm chọn nương phụ thuộc vào đất, nếu đất có màu cát, sỏi thì không chọn; chỉ chọn loại đất có màu đen, “đất nhiều thịt”. Người chọn địa điểm làm nương thường là đàn ông. Tiêu chí chung khi chọn đất làm nương là: Mặt đất tương đối bằng phẳng, có nhiều cây, đặc biệt cây to, đất màu đen, ít có cát sỏi, tránh vùng núi đá.

Theo nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi: *Họ làm rẫy theo lối hỏa canh: đốt rừng rồi*

dùng gậy chọc lỗ mà tra hạt trên đất rừng đã trụi cây... tro đốt rừng là phân tự nhiên của họ. Sau vài ba năm canh tác trên mảnh đất đã khai phá họ phải chuyển qua khai phá một mảnh khác, khi đất cũ đã bạc màu... Họ không khai phá một cách bừa bãi, để rừng tuyệt diệt, mà phát rừng để sống, nhưng vẫn chờ cho rừng tái sinh, vẫn nuôi dưỡng rừng, vì tiêu diệt rừng đồng nghĩa với tự tiêu diệt mình...”⁽¹⁾. Có lẽ đó cũng là một cách thích nghi với điều kiện tự nhiên, hay nói cách khác môi trường tự nhiên đã chi phối lối ứng xử của người Mường nơi đây, hình thành cách làm thế nào để sống, để sinh tồn và cách để gìn giữ, bảo vệ rừng.

Dọn rẫy

Qua đầu tháng chạp, đồng bào đi xáo cỏ, dọn lại diện tích rẫy vừa gặt lúa nương xong. Bước qua đầu tháng giêng là tiến hành tía ngô, vụ ngô này được thu hoạch vào cuối tháng ba, đầu tháng tư âm lịch. Sau đó, rẫy được xáo cỏ dọn sạch để tía vụ lúa tiếp theo hoặc gieo ngô tiếp - ngô sẽ thu hoạch vào tháng tám âm lịch. Khi gieo tía ngô, lúa người ta thường trồng xen ở bờ rẫy các loại cây khác như khoai, sắn, kê, bí đỏ... để có thêm lương thực phụ hoặc rau quả phục vụ cho các bữa ăn hàng ngày của gia đình.

Trong quá trình canh tác, chủ rẫy thường phát từ ba đến năm vạt rừng, với mục đích nhằm bảo đảm cho đất rẫy luôn giữ được màu. Khi những diện tích rẫy sắp sửa không dùng canh tác nữa, người ta trồng vào đó các loại cây như luồng, bương, mai, trấu để trả lại màu xanh cho đất đồng thời cũng có vật liệu phục vụ cho con người. Mặt khác, đất không bị xói mòn cần cỗi.

⁽¹⁾ Nguyễn Từ Chi (2003), “Góp phần nghiên cứu Văn hóa và tộc người”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội, tr. 549 - 550.

Điều đặc biệt là khi phát rừng làm nương rẫy, đồng bào Mường luôn tuân thủ nguyên tắc mà bản Mường đã đề ra, đó là không phát rẫy trên triền núi cao, không phát rẫy trên đầu nguồn các khe suối, ai vi phạm sẽ bị cộng đồng lên án. Khi phát dọn rẫy xong, trước khi gieo trồng ngô lúa, bao giờ đồng bào cũng dựng chòi canh rẫy để có chỗ nghỉ ngơi khi đi làm nương, cũng là nơi để canh muông thú không cho phá hoại hoa màu. Ngoài ra, chòi canh còn là nơi chứa ngô lúa, hoa màu sau khi thu hoạch, trước khi đem về nhà.

1.2. Loại hình canh tác

Điều tra thực tế của chúng tôi tại xã Cẩm Lương cho biết ngoài trồng lúa nương người Mường còn trồng ngô, sắn và các loại hoa màu khác. Cụ thể:

Trồng lúa: phương thức làm đất trồng lúa rẫy với lúa nước hoàn toàn khác nhau, kỹ thuật gieo hạt là chọc lỗ, tra hạt. Nam giới đi trước chọc lỗ, phụ nữ đi sau tra hạt, lấp đất. Giống lúa không được ngâm và ủ tới mức lên mầm mới mang gieo như lúa nước mà gieo trực tiếp vào lỗ, không bón phân, tưới nước, khi hạt lúa đã bỏ vào lòng đất thì nó tự sinh trưởng. Thông thường, mật độ chọc lỗ, tra hạt là 25 - 30 lỗ/m², mỗi lỗ 5 - 6 hạt. Chỉ khi cây đã mọc cao khoảng 20cm người ta mới tiến hành làm cỏ và có thể xới đất lên một chút cho nó tơi xốp (nếu đó là khoảng ruộng bằng phẳng), nếu đám rẫy có độ dốc thì tuyệt đối chỉ chọc lỗ tra hạt vì nếu xới đất lên nó sẽ bị xới mòn và trôi chất màu mỡ, thậm chí cây lúa có thể bị bật gốc. Đó cũng là phương thức canh tác nương rẫy phù hợp với địa hình của người Mường nơi đây, cách làm này chống lãng phí, tránh chim, sóc ăn hạt, tiết kiệm lao động, không phải mất công tỉa bớt cây con, vừa

để đảm bảo cây đủ khoảng cách và đủ chất màu mỡ từ tự nhiên để sinh trưởng.

Trồng ngô: có hai loại ngô nếp và ngô tẻ. Ngô nếp hạt to, ăn dẻo và trồng được cả hai vụ. Ngô tẻ có màu vàng, cây cao, lá to, ăn khô. Loại ngô này thường ít bị sâu bệnh. Khi trồng ngô người ta chọc lỗ và gieo khoảng hai đến ba hạt là đủ. Người Mường cũng giống như các dân tộc khác rất chú ý tới khâu chọn giống. "Ngô được chọn làm giống bắp phải to, hạt mẩy đều, không có sâu bệnh"². Sau khi lựa chọn những bắp ngô giống vừa ý, người Mường để riêng, bóc hết lớp bẹ bên ngoài, phơi nắng cho khô, sau đó buộc 5 - 6 bắp thành một bó đem treo hoặc gác lên sàn bếp. Số ngô còn lại sau khi được phơi khô cũng được bó thành từng bó cất trong bồ hoặc treo trên xà nhà và khi sử dụng mới tách hạt.

Trồng sắn: cây sắn được trồng từ tháng Giêng, Hai đến tháng 11 mới cho thu hoạch. Người Mường trồng sắn chủ yếu trên các nương đồi có độ dốc tương đối lớn. Đây là những đám nương đã cần cỗi sau khi trồng các loại cây thực phẩm. Hai loại sắn được trồng phổ biến là sắn trắng và sắn đỏ, từ khoảng năm 1990 đồng bào ưu tiên dùng giống sắn cao sản, ưu điểm của giống sắn này là củ chắc, củ nhiều, phơi không héo như sắn truyền thống. Sắn được trồng vào tháng giêng, sau khi ăn tết xong, đồng bào tiến hành dọn nương cuốc hố trồng sắn, mỗi luống trồng sắn được đánh cao từ 25 - 30cm, rộng khoảng 40 - 45cm, hố trồng có độ sâu từ 10 - 15cm chạy thẳng theo mạch luống. Mỗi hố cách nhau khoảng 30 - 35cm. Cũng giống như

⁽²⁾ Đặng Thị Nhuận - Dương Quỳnh Phương (2013) "Tri thức bản địa của dân tộc Dao khu vực miền núi phía Bắc trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và hệ thống cây trồng", *Tạp chí khoa học Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, (số 44), tr.179.

khoai lang, sắn được trồng bằng thân (cành), giống được giữ từ vụ trước, sau khi thu hoạch sắn về, người ta chọn những cây có thân to, mắt dày, không bị sâu bệnh. Số cây giống này được bó riêng, để nơi râm mát. Trước khi trồng khoảng 20 ngày, người ta đem vùi gốc xuống đất sâu 30 - 35cm cho thân sắn tươi trở lại. Đến ngày trồng, cây sắn được cắt thành từng đoạn có chiều dài trung bình khoảng 18 - 22cm. Sau khi cắt sắn được trồng ngay xuống đất để hạn chế sự mất nhựa, tạo điều kiện cho mầm cây phát triển. Hom được trồng nghiêng theo chiều luống tạo thành góc 20°. So với các cây lương thực khác, sắn có ưu điểm là chịu hạn rất tốt, ít bị sâu bệnh và không phải chăm sóc nhiều. Thông thường, sau khi trồng hai hoặc ba tháng, người ta xới cỏ, vun luống gốc cho cao hơn để kích thích quá trình sinh trưởng và tạo củ.

Các loại hoa màu khác

Ngoài lúa, ngô, sắn, người Mường ở Cẩm Lương còn trồng nhiều loại cây khác trên nương rẫy cũng như các loại cây hoa màu trên các bãi soi dọc theo các bờ sông hoặc những vùng chân ruộng cao không đủ nước để cấy lúa. Có khá nhiều loại cây được trồng trên đất khô chủ yếu là các loại cây hoa màu như khoai, đậu, lạc,... Đồng bào còn trồng xen đậu tương với ngô không những để tận dụng đất đai mà còn để đất thêm màu mỡ. Cùng với đậu tương thì đậu xanh, đậu đen cũng được chú ý trồng gắn liền với việc làm bánh và chế biến món ăn. Các loại khoai như khoai lang, khoai sọ cũng được trồng nhiều vừa dùng để ăn nhất là lúc giáp hạt và dùng để chăn nuôi.

Theo truyền thống người Mường chỉ luân canh cây trồng trong vòng 3 năm, được gọi tên thành 3 vụ. Sau 3 năm, hoặc 4 đến 5 năm, đất nương được bỏ hóa để tự

phục hồi. Các khoảng nương này đã được công nhận là có chủ thì không ai trong bản, mừng tranh sử dụng khi canh tác lại. Thời gian bỏ hóa có thể thấp hơn là 3 năm, cao nhất là 15 năm; một gia đình nông dân Mường chỉ cần 4 khoảnh nương luân chuyển đã khép kín trong chu kỳ 12 năm.

2. Đánh giá những ưu điểm của hoạt động canh tác nương rẫy của người Mường xã Cẩm Lương

Kết quả phân tích tài liệu và điều tra, khảo sát thực tế cho thấy, hệ canh tác nương rẫy của người Mường đã thể hiện nhiều mặt tích cực trong quản lý, bảo vệ đất. Xem xét trên cơ sở hồi cố, các hệ canh tác này hoàn toàn phù hợp với điều kiện môi trường kinh tế xã hội của cộng đồng vào thời điểm đó. Với quan điểm đề cao sở hữu cộng đồng, các nguồn tài nguyên rừng, đất, nước đã được quản lý, bảo vệ hợp lý và sử dụng khá bền vững:

Đối với tài nguyên rừng: cách làm nương không phát, đốt trên đỉnh vừa có tác dụng duy trì cho nương rẫy “một chiều mù” che mưa nắng vừa giữ được rừng ở những điểm trọng yếu. Việc duy trì, khai thác các khu rừng già, các khu rừng cộng đồng,... đã đảm bảo cho không gian sống của cộng đồng luôn có độ che phủ an toàn.

Đối với tài nguyên nước, tài nguyên đất: khi còn canh tác nương rẫy theo phương thức truyền thống, xói mòn, rửa trôi ở mức độ thấp hơn và đất chậm bị thoái hóa hơn. Sau thời gian bỏ hóa, chất lượng đất được phục hồi khá tốt, có thể canh tác cho năng suất ổn định gần như khi mới phát đốt. Luân canh, xen canh cũng là cách sử dụng đất hợp lý. Trong điều kiện địa phương, đó là biện pháp bảo vệ, cải tạo đất hiệu quả. Dưới sự che chắn của rừng, đất và nước cũng được bảo vệ. Dễ nhận thấy nhất là

đất luôn được bổ sung chất dinh dưỡng từ lá cây, từ các loại động vật rừng, ít bị xói mòn, rửa trôi, khả năng phục hồi nhanh.

Ngày nay, quá trình phát triển du lịch đã khiến một bộ phận dân cư không làm nông nghiệp nữa. Sự thay đổi xã hội và gia đình đã làm gián đoạn việc truyền thụ, tiếp nhận và lưu giữ kiến thức bản địa từ thế hệ này sang thế hệ khác trong cộng đồng. Nhiều kiến thức truyền thống đã mai một trong quá trình hội nhập và xu thế phát triển chung. Nhiều người bên ngoài cộng đồng coi kỹ thuật truyền thống là lạc hậu... Đây là những nguyên nhân dẫn đến kiến thức bản địa trong canh tác nương rẫy của người Mường đang ngày càng mai một.

3. Kết luận

Kết quả phân tích đánh giá vai trò trong canh tác nương rẫy của người Mường ở Cẩm Lương, các đặc trưng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và hiện trạng môi trường địa phương cho thấy: Để đảm bảo nguồn tài nguyên, bảo vệ, duy trì kiến thức bản địa cần có sự kết hợp giữa khoa học hiện đại và kiến thức truyền thống trên cơ sở khung pháp lý hợp lý, lồng ghép kiến thức bản địa vào trong các chương trình phát triển cộng đồng; đồng thời, cần có kế hoạch phát hiện, lưu giữ và bảo tồn những kiến thức bản địa quý giá này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Anh (1995), “Đặc trưng văn hóa Mường Thanh Hóa”, trong sách *Kỷ yếu Văn hóa dân tộc Mường*, Sở Văn hóa Thông tin, Hội Văn hóa các dân tộc Hòa Bình xuất bản.

2. Nguyễn Từ Chi (2003), “Góp phần

nghiên cứu Văn hóa và tộc người”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội.

3. Đặng Thị Nhuận Dương Quỳnh Phương (2013) “Tri thức bản địa của dân tộc Dao khu vực miền núi phía Bắc trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh tác và hệ thống cây trồng”, *Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (số 44).

4. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (2014), *Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Lương (1964 - 2014)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

5. Nguyễn Từ Chi (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

6. Ngô Hoài Chung (2007), *Truyền thuyết dựng bản lập Mường Thanh Hóa*, Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản.

7. Đảng bộ xã Cẩm Lương (2015), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XXIII tại Đại hội Đảng bộ xã Cẩm Lương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, bản đánh máy, lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã.

8. Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - ủy ban nhân dân huyện Cẩm Thủy (2014), *Địa chí huyện Cẩm Thủy*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Trịnh Hồng Lệ (2009), *Tri thức dân gian Mường trong ứng xử với môi trường tự nhiên (Nghiên cứu tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa)*, Luận văn Thạc sỹ Văn hoá học, Viện nghiên cứu văn hoá, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

10. Phạm Thị Ly (2011), *Thực trạng nghèo đói và những giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc Mường tại xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, khóa luận tốt nghiệp*, Đại học Huế.